

Bản án số: 11/2020/DS-PT

Ngày: 25/02/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Xuân nam - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bn án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS- ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2020/QĐ-PT ngày 07/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Lê Văn B, bà Bùi Thị Tuyết V; cư trú tại: Thôn T 2, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Tạ Văn H; cư trú tại: Thôn Thọ L 2, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và vợ là bà Từ Thị H; cư trú tại: Thôn T 1, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người kháng cáo: Ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn B, bà Bùi Thị Tuyết V trình bày:

Vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H có họ hàng với nhau, vợ chồng ông H, bà H gọi vợ chồng ông bà là cậu mợ. Do là bà con nên vợ chồng ông H, bà H vay tiền của vợ chồng ông bà để lo công việc làm ăn, cụ thể:

Vào khoảng tháng 4/2017 (không nhớ chính xác ngày) vay 150.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng (chưa trả gốc và lãi). Ngày 27/10/2017 vay tiếp 350.000.000đ lãi suất thỏa thuận 03%/tháng (Chưa trả gốc và lãi). Tổng cộng hai lần vay là 500.000.000đ. Cùng ngày hai bên đến Văn phòng Công chứng Lê Việt C tại thị trấn P, huyện T, Bình Định công chứng với nội dung: Vợ chồng ông H, bà H có vay của vợ chồng ông bà số tiền 500.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, thời hạn vay là 02 năm. Sau khi công chứng khoản vay 500.000.000đ này thì hai lần vay tiền trước đó không còn giá trị pháp lý. Khoản công chứng số tiền vay 500.000.000đ này thì vợ chồng ông H, bà H cũng chưa trả tiền gốc và lãi.

Ngày 03/7/2018, vợ chồng ông H, bà H vay tiếp vợ chồng ông bà số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay là 700.000.000 đồng. Cùng ngày hai bên đến Văn phòng công chứng Lê Việt C công chứng hợp đồng vay tiền 700.000.000 đồng, thời hạn 02 năm và công chứng hủy bỏ hợp đồng vay ngày 27/10/2017. Ngày 13/02/2019, hai bên lập văn Bản thỏa thuận về lãi suất với nội dung: Vợ chồng ông H, bà H phải trả tiền lãi 02%/tháng trong số tiền vay 700.000.000 đồng, thời điểm tính lãi kể từ ngày lập văn Bản thỏa thuận (ngày 13/02/2019). Nếu vợ chồng ông H, bà H vi phạm cam kết trả lãi đối với số tiền gốc thì vợ chồng ông bà có quyền khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu vợ chồng ông H, bà H có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Do vợ chồng ông H, bà H đã vi phạm trả tiền lãi như thỏa thuận nêu trên nên nay ông bà yêu cầu vợ chồng ông H, bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông bà 700.000.000 đồng tiền gốc và phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định kể từ ngày 13/02/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2019.

Bị đơn vợ chồng ông Tạ Văn H bà Từ Thị H trình bày:

Ông bà thống nhất theo lời trình bày của vợ chồng ông B, bà V về việc vợ chồng ông bà vay tiền của vợ chồng ông B, bà V. Tuy nhiên, ngày 03/7/2018, ông B, bà V buộc vợ chồng ông bà phải chịu tiền lãi chưa trả là 200.000.000 đồng, cộng với số tiền gốc là 500.000.000 đồng thành 700.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng ông bà ký xác nhận hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Lê Việt C ở thị

trần P, huyện T, tỉnh Bình Định. Lý do vợ chồng ông bà đồng ý ký hợp đồng vay 700.000.000 đồng ngày 03/7/2018 và ký văn Bn thỏa thuận ngày 13/02/2019 là để vợ chồng ông B, bà V giảm tiền lãi suất thỏa thuận từ 03%/tháng xuống còn 02%/tháng mà không nghĩ là vợ chồng ông B, bà V tính tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng.

Quá trình vay tiền thì vợ chồng ông bà đã trả lãi đối với các khoản vay cụ thể như sau: Đối với khoản vay tháng 4/2017 đã trả lãi đến tháng 10/2017, tổng cộng 06 tháng với số tiền 25.920.000đ. Đối với khoản vay 350.000.000đ ngày 27/10/2017 đã trả lãi 05 tháng, từ tháng 10/2017 đến tháng 03/2018 (lãi suất 05%/tháng) với số tiền 8.750.000đ. Đối với khoản vay 150.000.000đ tính lãi từ ngày 27/10/2017 cho đến ngày 27/3/2018 (lãi suất 3%), tổng cộng 05 tháng với số tiền là 21.600.000đ. Đối với số tiền vay 500.000.000đ vào ngày 27/10/2017 thì đã trả lãi cho ông B, bà V từ tháng 03/2018 đến tháng 06/2018 (lãi suất 05%) với tiền lãi là 2.250.000đ. Tổng cộng số tiền lãi đã trả cho vợ chồng ông B, bà V là 58.520.000 đồng. Các lần trả tiền lãi này đều không có giấy tờ và cũng không có ai làm chứng.

Nay vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông B, bà V số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng. Tiền nợ gốc 500.000.000 đồng này thì ông bà xin trả dần trong vòng 05 năm, mỗi năm 100.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B, Bùi Thị Tuyết V.

Buộc vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Bùi Thị Tuyết V số tiền là 809.830.000 đồng (Tám trăm lẻ chín triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) về khoản nợ vay ngày 03/7/2018 (trong đó: Nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi 109.830.000 đồng).

Không chấp nhận việc vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H nại chỉ nợ vợ chồng ông Lê Văn B, bà Bùi Thị Tuyết V số tiền vay gốc 500.000.000 đồng và yêu cầu được trả mỗi năm 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, vì không có chứng cứ để chứng minh và vợ chồng ông B, bà V không đồng ý.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05/12/2019, bị đơn vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ nội dung vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Các bên đương sự thống nhất về việc xác lập hợp đồng vay tiền ngày 03/7/2018 về số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất, theo đó vợ chồng ông H, bà H có vay của vợ chồng ông B, bà V 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, lãi suất 02%/tháng. Các bên cũng thống nhất cũng như về nội dung Văn Bn thỏa thuận ngày 13/02/2019 giữa vợ chồng ông Lê Văn B bà Bùi Thị Tuyết V và vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H có về nội dung nếu vợ chồng ông H bà H vi phạm cam kết trả lãi đối với số tiền gốc thì vợ chồng ông B bà V bà có quyền khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu vợ chồng ông H bà H có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

[1.1] Về tiền nợ gốc: Vợ chồng ông H, bà H nại rằng ông bà chỉ nợ của vợ chồng ông B, bà V 500.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng là do vợ chồng ông B bà V buộc vợ chồng ông bà phải chịu tiền lãi chưa trả của số nợ 500.000.000 đồng, cộng vào thành 700.000.000 đồng nợ gốc và vợ chồng ông B, bà V ép vợ chồng ông bà phải ký vào hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên, tại khoản 4 của Hợp đồng vay tiền ngày 03/7/2018 đã ghi nhận sự thỏa thuận của các bên: “Kể từ thời điểm bên B ký vào hợp đồng, bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền vay do bên A chuyển giao”. Mặt khác, lời nại của vợ chồng ông H, bà H không được vợ chồng ông B, bà V thừa nhận và vợ chồng ông H, bà H cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, tại phần lời chứng của Công chứng viên cũng đã ghi rõ: “Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng này; tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật...”. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận lời nại trên và việc xin trả dần tiền gốc của vợ chồng ông H, bà H là có căn cứ.

[1.2] Về tiền nợ lãi: Vợ chồng ông H, bà H nại rằng trong quá trình vay tiền ông bà đã trả cho vợ chồng ông B, bà V 58.520.000 đồng cho các khoản vay trước kia. Tuy nhiên, lời nại của vợ chồng ông H, bà H không được vợ chồng ông B, bà V thừa nhận và vợ chồng ông H, bà H cũng không có chứng cứ gì để chứng minh nên

cấp sơ thẩm không chấp nhận lời nại này của chồng ông H, bà H là có căn cứ. Mặc dù vợ chồng ông B, bà V đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà H trả lãi theo thỏa thuận tại Văn Bản thỏa thuận ngày 13/02/2019, nhưng vợ chồng ông H, bà H vẫn không thực hiện là vi phạm thỏa thuận. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông B, bà V, buộc vợ chồng ông H, bà H phải trả lãi, tính từ ngày thỏa thuận về việc tính lãi 13/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2019 là có căn cứ. Tuy nhiên, sự thỏa thuận về lãi suất giữa các bên 02%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, điều chỉnh lại lãi suất, buộc vợ chồng ông H, bà H phải chịu lãi suất 20%/năm tức là 1,66%/tháng; 0,05%/ngày và buộc vợ chồng ông H, bà H phải trả cho vợ chồng ông B, bà V 109.830.000 đồng tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 809.830.000 đồng và không chấp nhận việc vợ chồng ông H, bà H xin miễn trả lãi là có cơ sở.

[2] Từ những phân tích trên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì vợ chồng ông H, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Vợ chồng ông B, bà V được hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn B, bà Bùi Thị Tuyết V:

Buộc vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Bùi Thị Tuyết V số tiền: 809.830.000đ (*Tám trăm lẻ chín triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*) về khoản nợ vay vào ngày 03/7/2018 (Trong đó: Nợ gốc 700.000.000 đồng; nợ lãi 109.830.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận việc vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H nại chỉ nợ vợ chồng ông Lê Văn B, bà Bùi Thị Tuyết V số tiền vay gốc 500.000.000 đồng và yêu cầu được trả mỗi năm 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H phải nộp 36.294.900 đồng (*Ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm đồng*).

- Hoàn trả cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Bùi Thị Tuyết V 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: 0006368 ngày 14/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số: 0006478 ngày 09/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S. Vợ chồng ông Tạ Văn H, bà Từ Thị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

THẨM

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương